**Mẫu số 07**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN ĐẠI DIỆNCHỦ SỞ HỮU**TÊN DOANH NGHIỆP-------** | **CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI****TẠI THỜI ĐIỂM** ...(1)... |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Số thứ tự ở Mẫu số 01** | **Ngày/tháng/ năm sinh** | **Thời gian đã đóng BHXH** | **Thời gian đã đóng BHXH làm tròn (năm)** | **Tiền lương tháng đóng BHXH được tính bình quân của 05 năm cuối trước khi nghỉ việc *(đồng/tháng)*** | **Số năm về hưu trước tuổi (năm)** | **Tiền trợ cấp 03 tháng lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi *(đồng)*** | **Tiền hỗ trợ 0,4 mức lương tối thiểu tháng tính bình quân cho mỗi năm làm việc có đóng BHXH *(đồng)*** | **Tiền hỗ trợ 0,2 mức lương tối thiểu tháng tính bình quân cho mỗi năm làm việc có đóng BHXH *(đồng)*** | **Tổng tiền được nhận *(đồng)*** | **Nơi ở khi nghỉ hưu** |
| **Nam** | **Nữ** | **Số năm** | **Số tháng** |
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| **I. Lao động dôi dư có tuổi thấp hơn từ đủ 01 tuổi đến đủ 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x | (=9+10) |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x |   |   |
| **II. Lao động dôi dư có tuổi thấp hơn dưới 01 tuổi so với tuổi nghỉ hưu** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x | x |   | (=11) |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x | x |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x | x |   |   |   |
|   | **Tổng** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *…., ngày … tháng …. năm ...***THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUANĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU***(Chức danh, ký tên, đóng dấu)* | *…., ngày … tháng …. năm ...***THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP***(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** - Cột 9 = cột 7 x cột 8 x 3 tháng; trong đó cột 8 tính theo năm đủ 12 tháng (không tính tháng lẻ).

- Cột 10 = 0,4 x (bình quân của tất cả các mức lương tối thiểu tháng theo vùng) x cột 6; trong đó cột 6 làm tròn năm theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

- Cột 11 = 0,2 x (bình quân của tất cả các mức lương tối thiểu tháng theo vùng) x cột 6; trong đó cột 6 làm tròn năm theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.